

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104246382
- Vốn điều lệ: 515.999.990.000 đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 515.999.990.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8 Lô TT03 KĐT Hải Đăng city, ngõ 2 phố Hàm Nghi, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243.7877290 Fax: 0243.7877291
- Website: admin@hkb.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): HKB
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay
 - + Công ty CP nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc (tiền thân là Công ty CP thương mại và đầu tư Hà Nội – Kinh Bắc) được thành lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, thay đổi lần 16 ngày 22/08/2018.
 - + Ngày 8/4/2015 Công ty CP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc (công ty HKB) chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán HNX.

Trong 15 năm phát triển vừa qua, năm 2024 là năm thứ 7 HKB không đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh bởi các nguyên nhân chính như sau:

- Trong những năm trước, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính xây dựng cơ sở vật chất và quỹ đất cho sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển vùng nguyên liệu. Vì vậy từ năm 2017 đến năm 2024 Công ty bắt đầu đến chu trình phải trích lập sổ sách kế toán khoản mục “Giảm trừ lợi thế thương mại hàng năm số tiền 45 tỷ đồng/năm và trích lập khấu hao tài sản cố

định (theo quy định của luật kế toán)” – trong khi lợi nhuận để bù đắp những khoản này có độ trễ từ các khoản đầu trung và dài hạn. Đây là chu trình cần thiết để HKB bứt sang giai đoạn mới nhằm khai thác giá trị gia tăng mới trong chuỗi giá trị nông nghiệp ở các khâu sản xuất - chế biến và trồng trọt ngoài giá trị từ nghiệp vụ kinh doanh thương mại ở giai đoạn trước kia;

- Trong năm 2024, Công ty đang trong giai đoạn cần sắp xếp lại nguồn lực tín dụng ngắn hạn tài trợ bởi các ngân hàng nên chưa đáp ứng được kịp thời nhu cầu nguồn vốn lưu động ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh;

- Trong năm 2024, Công ty cũng trong giai đoạn cần thực hiện tái cơ cấu nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát nên cần có chút độ trễ để phát huy năng lực của nhân tố mới một cách chắc chắn.

Triển vọng trong năm 2024 Công ty đã chủ động kế hoạch triển khai các giải pháp như sau:

- Tăng cường năng lực nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã và đang tích cực phát triển đủ nguồn vốn tín dụng ngắn hạn với các Ngân hàng Thương mại để phục vụ kế hoạch doanh thu năm 2024 và từng bước đáp ứng đủ cho công suất thiết kế của hệ thống sản xuất của Công ty cho những năm tiếp theo;

- Tái cơ cấu chi phí nhằm tiết giảm chi phí quản lý và sản xuất để nâng cao hiệu suất kinh doanh.

- Tăng cường năng lực khai thác công suất sản xuất của các nhà máy và cơ sở vật chất của Công ty.

- Từng bước triển khai các dự án đầu tư mới để đi vào khai thác sớm nhất có thể, đạt lộ trình thu hồi giá trị đầu tư, nguồn thu và kỳ vọng lợi nhuận mới cho Công ty.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh :

Bán buôn gạo; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết xuất và phế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sắn lát; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Dúc kim loại màu; Nhà hàng và các*

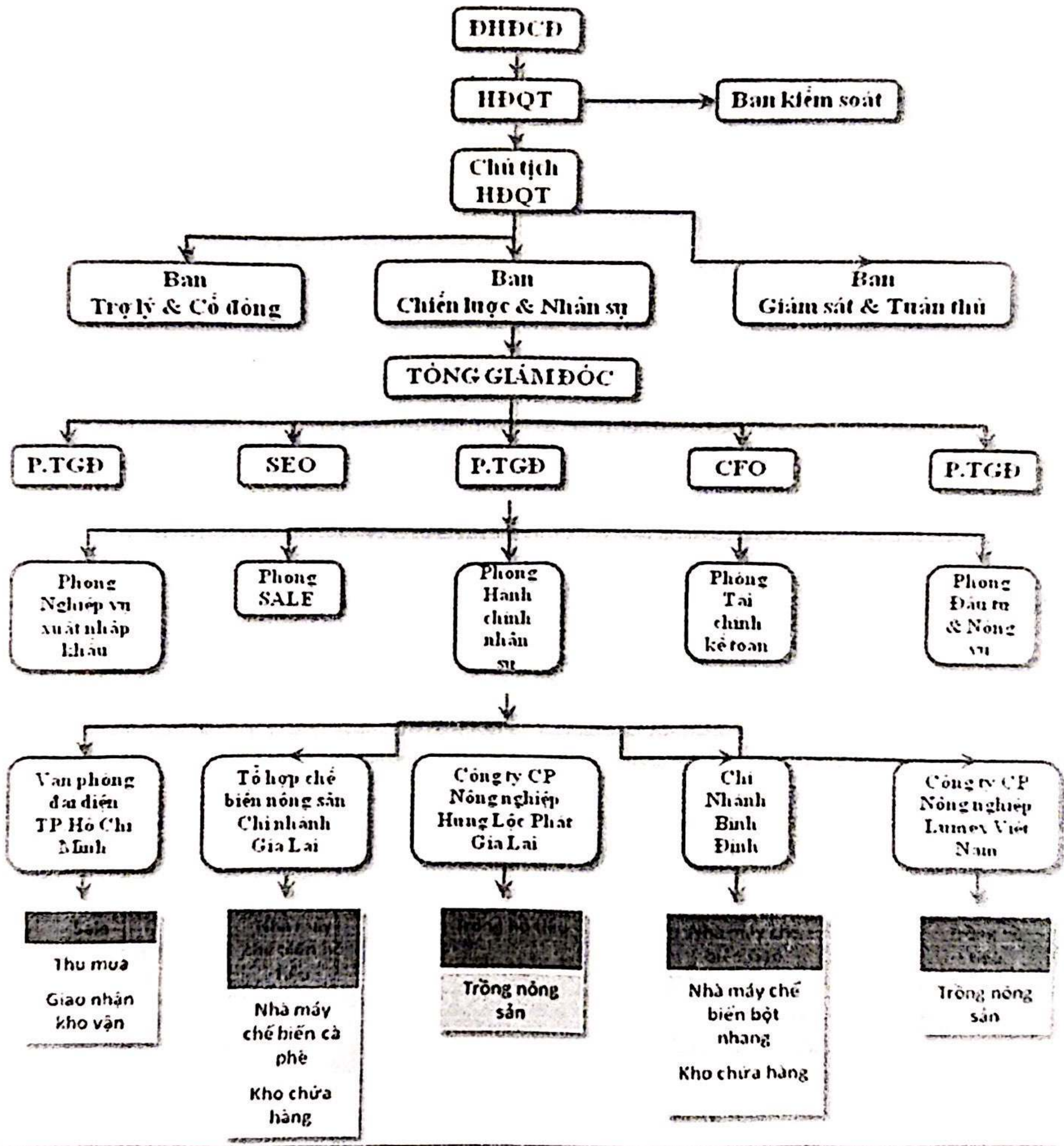
dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, đá quý, bột thạch anh, mica; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất vôi, xi măng, thạch cao; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng*; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Bán buôn phân bón*; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ, động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh*; Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. *Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)*; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất quặng kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic. *Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic*; Đại lý môi giới, đấu giá. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Xuất nhập khẩu các mặt hàng khác Công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; sản xuất hương các loại*.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of*

business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years). Gia Lai, Bình Định

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).
- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

STT	Tên đơn vị	Trụ sở chính	Nghành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu vốn
I	Công ty con sở hữu trực tiếp			
1	Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Làng TNung xã H'Bông Huyện Chư Sê Gia Lai	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	88,89%
2	Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Số 8 Lô TT03 KĐT Hai Đăng city, ngõ 2 phố Hàm Nghi, P.Mỹ Đình 2,Q.Nam Từ Liêm Hà Nội	Sản xuất phân bón hợp chất NI tơ, trồng rừng,, bán buôn nông lâm sản nguyên vật liệu, động vật sống...	83,42%
II	Công ty Con sở hữu gián tiếp			
1	Công ty CP thương mại – xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Số 8 Lô TT03 KĐT Hai Đăng city, ngõ 2 phố Hàm Nghi, P.Mỹ Đình 2,Q.Nam Từ Liêm Hà Nội	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, trồng rừng	70,33%
III	Đơn vị trực thuộc			
1	Công ty CP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc – Chi nhánh Gia Lai	Làng Ring 2 xã H'Bông Huyện Chư Sê Gia Lai		

4. Định hướng phát triển:

- Phát triển sức cạnh tranh mạnh trên cơ sở đi sâu vào nghiên cứu công nghệ cao trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Đầu tư, thành lập các Công ty Công nghệ và/ hoặc liên kết với các Vụ, Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ vào các khâu trồng trọt, sản xuất giống, vật tư trong Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, đặc biệt là Công nghệ sinh học.

- Lĩnh vực Nông nghiệp: Tham gia vào chuỗi giá trị khép kín trong nông nghiệp ở các khâu “Trồng trọt - Sản xuất vật tư - Chế biến - Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp”;

- Lĩnh vực Công nghiệp Thực phẩm ở các khâu chế biến và phân phối các thực phẩm cơ bản (thịt gia súc và gia cầm) từ sản phẩm nông nghiệp và vật nuôi;

- Lĩnh vực phân phối: Tổ chức mạng lưới phân phối và bán lẻ chuyên biệt HKB FOOD MART cho các mặt hàng công ty chế biến và các mặt hàng khác trên thị trường có cùng giá trị chuỗi từ nông sản, lương thực, đồ uống và thực phẩm;

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình

chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: .

5. Các rủi ro:(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...): Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, hoạt động Công ty CP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc chịu rủi ro đặc thù ngành là rủi ro nguyên liệu, rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro thị trường đầu ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

Năm 2024 các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty HKB có sự chênh lệch so với năm 2023. So với kế hoạch doanh thu trên BCTC hợp nhất chỉ đạt 91,85% là do năm 2024 Công ty đang trong giai đoạn tái cơ cấu và sắp xếp lại nguồn vốn tín dụng đối với các Ngân hàng nên nguồn vốn ngắn hạn chưa đủ để phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh; mặt khác so dự biến động của giá cả thị trường mặt hàng kinh doanh chính (hồ tiêu) giảm giá mạnh do xu hướng giá trong và ngoài nước giảm mạnh; lợi nhuận trước thuế đạt 101,02%; lợi nhuận sau thuế đạt 101,02%.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	9.546.000	18,5%
2	Trương Danh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc	Không có	
3	Uông Huy Đông	Phó tổng giám đốc	2.273.200	4,4%
4	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Không có	
5	Nguyễn Phương Anh	Thành viên HĐQT	Không có	
6	Đỗ Dương Thông	Thành viên HĐQT	Không có	
7	Lê Văn Quang	Kế toán trưởng	Không có	
8	Trần Thị Vân	Trưởng ban kiểm soát	Không có	
9	Phạm Thị Hải An	Thành viên BKS	Không có	
10	Phạm Anh Quân	Thành viên BKS	Không có	

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện

trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achlevement/failure to achieve the announced and committed targets.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai và Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt nam không phát sinh doanh thu trong năm 2024.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính/

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Tổng giá trị tài sản/Total asset	320.538.540.631	268.746.682.509	(16,16)%
Doanh thu thuần/Net revenue	6.207.896.340	5.970.103.950	(3,83)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Lợi nhuận khác/	(58.109.197.018) (187.972.529)	(58.849.329.256) (145.263.279)	1,27% (22,72)%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	(58.297.169.547)	(58.994.592.535)	1,2%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	(58.297.169.547)	(58.994.592.535)	1,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	(58.297.169.547)	(58.994.592.535)	1,2%

(nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024)

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	36,23%	33,81%	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			

Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn	36,21%	33,79%	
Short term Asset - Inventories			
Short term Debt			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	54,03%	67,44%	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	118,8%	207,13%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	10.336%	16.628%	
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	1,8%	2,22%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	(939,08)%	(998,08)% ⁷	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	(39,79)%	(67,42)%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	(18,19)%	(21,95)%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	(936,04)%	(985,73)%	

(nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài: Tổng số cổ phần của công ty là 51.599.999 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ
I	Việt Nam			
1	Cá nhân	1.268	49.055.470	95,069%
2	Tổ chức	6	2.121.919	4,112%
II	Nước ngoài			
1	Cá nhân	9	146.410	0,284%
2	Tổ chức	3	276.200	0,535%
III	Cổ phiếu quỹ			
IV	Tổng cộng		51.599.999	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát

triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).

Năm 2024 so với kế hoạch doanh thu trên BCTC hợp nhất chỉ đạt 91,85%, lợi nhuận trước thuế 101,02%, lợi nhuận sau thuế 101,02%

Nguyên nhân: Do biến động của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đã tác động nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược và kế hoạch hợp tác đầu tư của Công ty trong giai đoạn 2020-2025

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Trong năm 2024-2025: Tìm kiếm các đối tác để hợp tác kinh doanh và sản xuất tại các cơ sở hạ tầng sẵn có như kho bãi, nhà xưởng, văn phòng của công ty HKB tại Bình Định, Gia Lai với hệ thống đối tác trong và ngoài nước.

- Hợp tác đầu tư Sản xuất điện mặt trời áp mái 3MWp (đã hoàn thành và đưa vào vận hành, phát điện từ năm 2021 tại 2 nhà máy ở Bình Định)

- Đầu tư bảo vệ dự án làm giàu, phát triển rừng và lâm nông kết hợp của Công ty Tấn Hưng trên phần diện tích 137ha tại tiểu khu 228 xã Ea Bung huyện Ea Súp tỉnh Đắk Lắk.

- Góp vốn cổ phần của công ty Tấn Hưng để thành lập một công ty độc lập làm dự án điện mặt trời trên một phần diện tích đất 400ha của công ty Tấn Hưng tại tiểu khu 228 xã Ea Bung huyện Ea Súp tỉnh Đắk Lắk; Dự án có quy mô công suất sản xuất 300MW và giá trị đầu tư dự kiến khoảng 240 triệu USD

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Trong năm 2024 các thành viên HĐQT đã tích cực hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế để đưa ra các quyết định nhằm chỉ đạo định hướng kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

HĐQT đánh giá trong năm 2024 vừa qua Ban giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý các cấp có nhiều nỗ lực thực hiện tốt các công việc được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT chỉ đạo

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a

member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	18,5%	
2	Trương Danh Hùng	Thành viên HĐQT		
3	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT		
4	Nguyễn Phương Anh	Thành viên HĐQT		Thành viên độc lập
5	Đỗ Dương Thông	Thành viên HĐQT		Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban giám đốc:

+ Theo dõi giám sát các nghị quyết của đại hội cổ đông, Biên bản và nghị quyết của HĐQT

+ Đánh giá góp ý vào các hoạt động của ban điều hành như: Hoạt động XNK, đầu tư, tài chính...

+ Chỉ đạo Ban điều hành về hoạt động tổng kết kết hoạt động SXKD năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024

+ Định hướng chiến lược phát triển công ty từ 2022-2025 tầm nhìn 2030

- Các cuộc họp của HĐQT

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-HĐQT	04/04/2024	Hoãn tổ chức ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2024
2	02/2024/NQ-HĐQT	24/04/2024	Triệu tập ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2024
3	03/2024/NQ-HĐQT	28/5/2024	Triệu tập ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2024
4	04/2024/NQ-HĐQT	28/5/2024	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2024
5	05/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Thông qua đề cử nhân sự vào HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029
6	06/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029
7	07/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities*

of the Board of Directors' subcommittees; (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

STT	Thành Viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Trần Thị Vân	Trưởng ban		
2	Phạm Anh Quân	Thành viên BKS		
3	Phạm Thị Hải An	Thành viên BKS		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results).*

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định hiện hành của Nhà Nước.

- Tham gia đầy đủ và đóng góp các ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban tuần giữa HĐQT và Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information*

about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến cho BCTC tổng hợp và hợp nhất năm 2024

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*).

Địa chỉ công bố BCTC: www.hkb.com.vn

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



Dương Quang Lư

**Công Ty Cổ
Phần Nông
Nghệ Nghiệp Và
Thực Phẩm
Hà Nội - Kinh
Bắc**

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Nông Nghiệp Và Thực Phẩm
Hà Nội - Kinh Bắc
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0104246382, CN=Công Ty Cổ
Phần Nông Nghiệp Và Thực Phẩm
Hà Nội - Kinh Bắc, S=Hà Nội,
C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.02 11:59:23+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.0